

NGUYỄN THỊ LY KHA

**ĐỀ ÔN LUYỆN
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ
TIẾNG VIỆT
2**

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI TÁC GIẢ

Đề ôn luyện kiểm tra định kì Tiếng Việt 2 cung cấp hệ thống đề kiểm tra định kì môn Tiếng Việt lớp 2 theo nội dung chương trình sách giáo khoa hiện hành. Qua bộ đề này, học sinh được ôn luyện kiến thức, nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt và làm quen với các hình thức kiểm tra, đánh giá tương ứng với từng kĩ năng, từng đơn vị kiến thức ở lớp 2.

Các đề trong sách được chúng tôi thiết kế, sử dụng và thường xuyên cập nhật trong khoảng 5 năm trở lại đây.

Cuốn sách gồm 2 phần.

Phần một : ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA

Nội dung các đề ôn luyện kiểm tra định kì bao gồm hệ thống câu hỏi, bài tập rèn luyện kĩ năng của các phân môn : *Tập đọc, Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn* theo đúng chương trình và sách giáo khoa *Tiếng Việt 2*.

Phần hai : HƯỚNG DẪN GIẢI

Hệ thống đề ôn luyện kiểm tra định kì Tiếng Việt 2 trong sách bám sát chương trình (giảm tải) và chuẩn kiến thức, kĩ năng đã được ban hành và áp dụng.

Sách **Đề ôn luyện kiểm tra định kì Tiếng Việt 2** cũng là tài liệu tham khảo rất thiết thực giúp giáo viên, phụ huynh học sinh hướng dẫn học sinh ôn luyện trong các đợt kiểm tra định kì của năm học lớp 2.

Cùng các thầy giáo, cô giáo và các em học sinh, tác giả xin trân trọng cảm ơn các nhà thơ, nhà văn, nhà báo, dịch giả có tác phẩm trích trong cuốn sách này làm tư liệu cho các em học tập.

Tác giả rất mong các thầy giáo, cô giáo, các bậc phụ huynh và các em học sinh đóng góp ý kiến để khi tái bản, sách sẽ được hoàn thiện hơn.

Nguyễn Thị Ly Kha



ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I



Đề số 1

A. KIỂM TRA ĐỌC

I. ĐỌC THÀNH TIẾNG⁽¹⁾

II. ĐỌC THẦM VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

Ếch Xanh đi học

Trốn học đi chơi,Ếch Xanh gặp nạn. May mà mẹ nó tới kịp để cứu.Ếch Xanh hỏi mẹ :

– Mẹ ơi, mặt đất rộng lắm, trời cao lắm phải không ạ ? Trời không phải là cái vung, đúng không mẹ ?

– Con muốn biết mặt đất như thế nào, trời là cái gì thì con phải đi học.

Ếch Xanh theo mẹ đến trường. Chú không trốn học nữa. Kìa, chú đang ngồi trong lớp của thầy giáo Cóc. Thầy đứng trên bục, tay cầm thước chỉ vào từng chữ trên bảng. Cả lớp đọc theo thầy, giọngẾch đồng thanh nghe rất to và rất vang.

(Theo NGUYỄN KIÊN)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời phù hợp nhất cho từng câu hỏi sau :

1. Điều gì xảy ra khiẾch Xanh trốn học đi chơi ?

- a.Ếch Xanh gặp tai nạn.
- b.Ếch Xanh bị mẹ mắng.
- c.Ếch Xanh phải ở lại lớp.

⁽¹⁾ Ở mục này, giáo viên và phụ huynh chọn một đoạn văn thích hợp cho học sinh đọc.

2. Tại saoẾch Xanh theo mẹ đến trường ?

- a. VìẾch Xanh gặp tai nạn.
- b. VìẾch Xanh muốn hiểu biết về trời đất và mọi điều.
- c. Vì thầy giáo Cóc dạy rất hay,Ếch Xanh rất quý thầy.

3. Thái độ học tập củaẾch Xanh như thế nào ?

- a. Chán nản.
- b. Bình thường.
- c. Chăm chú, hăng say.

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi sau :

4. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ chỉ sự vật ?

- a. Mặt đất, trời, vào, vang.
- b. Mặt đất, thầy giáo, lớp, trường.
- c. Bầu trời, lớp, trường, đồng thanh.

5. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ chỉ đồ dùng học tập ?

- a. Thước, bút, bảng, sách, vở.
- b. Bảng, bàn, bụi, sách, vở.
- c. Thước, lớp, sách, bút, vở.

6. Câu nào dưới đây thuộc kiểu câu “Ai (hoặc con gì, cái gì) làm gì ?”

- a. ChúẾch Xanh tinh nghịch.
- b. Bầu trời bao la lắm phải không ạ.
- c. Mẹ hỏiẾch Xanh.

B. KIỂM TRA VIẾT

I. CHÍNH TẢ NGHE – VIẾT

Em là hoa hồng nhỏ

(Trích)

Em đến trường học bao điều lạ
Môi mỉm cười là những nụ hoa.
Trang sách hồng nằm mơ mà ngủ
Em gói đầu trên những dòng thơ
Em thấy mình là hoa hồng nhỏ
Bay giữa trời là tháng ngày qua.

(TRỊNH CÔNG SƠN)

II. TẬP LÀM VĂN

1. Khoanh tròn chữ cái trước lời chào phù hợp nhất :

a) Em chào bà cụ hàng xóm, khi em gặp bà ở ngoài đường :

a1. – Chào bà.

a2. – Xin chào bà.

a3. – Cháu chào bà ạ.

b) Em chào em bé khi bé đi học mẫu giáo về :

b1. – Chào em ạ.

b2. – Em đi học về à ?

b3. – Anh (chị) chào em ạ.

c) Em chào bố mẹ khi em đi học về :

c1. – Bố mẹ ạ.

c2. – Con chào bố mẹ.

c3. – Con chào bố mẹ, con đã về.

2. Điền tiếp vào phần trống dưới đây để hoàn chỉnh Bản tự thuật.

BẢN TỰ THUẬT

Họ và tên :

Nam, nữ :

Ngày sinh :

Nơi sinh :

Quê quán :

Nơi ở hiện nay :

Học sinh lớp :, Trường

Họ và tên bố : Tuổi:

Họ và tên mẹ: Tuổi:

....., ngày..... tháng năm

Người viết

.....

 Đề số 2**A. KIỂM TRA ĐỌC****I. ĐỌC THÀNH TIẾNG****II. ĐỌC THẦM VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI****Lớp phó ... chối**

Sắp vào lớp 1, Boong thấy sợ đủ thứ : sợ chưa biết đọc biết viết, sợ chưa biết tên cô, tên bạn, sợ cô gọi theo tên ở nhà các bạn sẽ cười,... Má khuyên, tôi khuyên, Boong vẫn sợ. Vậy mà đến lớp mới có một buổi thôi, Boong hết sợ liền. Về nhà, mặt mày Boong sáng rỡ. Nó dặn đi dặn lại :

- Mai má cho con đi học thật sớm để con cùng các bạn trực nhật !
- Vậy là con giỏi bằng anh Hai rồi ! – Má nháy mắt nhìn tôi. – Anh Hai là lớp phó học tập, còn con là lớp phó ... chối !

(Theo TRẦN QUỐC TOÀN)

Khoanh chữ cái trước ý trả lời phù hợp nhất cho từng câu hỏi sau :

1. Tại sao bé Boong sợ đi học ?
 - a. Chỉ vì chưa biết đọc biết viết, chưa biết tên cô, tên bạn.
 - b. Chỉ vì cô gọi bé theo tên ở nhà, các bạn cười.
 - c. Câu a và b đúng.
2. Tại sao Boong không sợ đi học nữa ?
 - a. Vì cô giáo rất thương Boong.
 - b. Vì má và anh Hai khuyên Boong.
 - c. Vì Boong đi học và được cô giao trực nhật.
3. Đi học buổi đầu tiên về, Boong dặn má điều gì ?
 - a. Giúp Boong và các bạn làm trực nhật.
 - b. Đưa Boong đi học sớm để Boong làm trực nhật.
 - c. Cất sách vở giúp Boong, gọi Boong đi học sớm.

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi sau :

4. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ chỉ người ?
 - a. Học sinh, lớp phó, học tập.

b. Học sinh, tổ trưởng, trực nhật.

c. Học sinh, lớp trưởng, lớp phó.

5. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ chỉ hoạt động học tập ?

a. Học thuộc, tập đọc, vệ sinh.

b. Tập đọc, tập viết, học thuộc.

c. Tập viết, tập đọc, nhảy dây.

6. Dòng nào dưới đây không có chữ sai chính tả ?

a. Dục dờ, sợ xệt, sợ hãi.

b. Rục rỏ, sợ sệt, sợ hải.

c. Rục rở, sợ sệt, sợ hãi.

B. KIỂM TRA VIẾT

I. CHÍNH TẢ NGHE – VIẾT⁽¹⁾

Vui học

Tùng... tùng... tùng... Một hồi trống vang lên giòn giã. Em cùng các bạn xếp hàng vào lớp. Cô giáo đang chờ chúng em. Những trang sách mở ra. Một bài học mới – nhiều điều mới lạ – đang đón chờ em và bạn bè.

(PHẠM MINH CHÂU, Trường Tiểu học Âu Dương Lân)

II. TẬP LÀM VĂN

1. Em hãy viết lời cảm ơn cho từng trường hợp sau :

a) Bạn cho em mượn bút chì màu.

b) Bà ngoại tặng em chiếc mũ len.

c) Cô giáo giảng thêm bài toán mà em chưa hiểu.

2. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 câu) kể về một người bạn cùng tổ với em, theo gợi ý sau :

– Bạn em tên gì ?

– Bạn nam hay nữ ?

– Nhà (hay quê) bạn ở đâu ?

– Bạn thích học môn gì ?

– Em thích điều gì nhất ở bạn ?

(1) Phần lớn tựa đề ở bài, đoạn *Chính tả nghe – viết* do chúng tôi đặt. NTLK

A. KIỂM TRA ĐỌC

I. ĐỌC THÀNH TIẾNG

II. ĐỌC THẨM VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

Ve Sầu và Đế Mèn đi học

Mãi chơi, Ve Sầu đến lớp trễ, thầy giáo đã dạy đến chữ "e". Vừa ghi xong chữ "e", nó hí hửng chạy ra sân. Gặp Đế Mèn vừa tới, nó khoe :

– Tôi biết chữ rồi.

Đế Mèn vào lớp học, thầy đang dạy chữ "i", nó ghi chữ "i" vào vở rồi lao ra, gào :

– Biết ... chữ ... rồi ... !

Từ đấy, chúng bỏ học, đi chơi. Vì vậy, cả đời chúng chỉ biết mỗi một chữ. Ngày ngày, Ve Sầu trên cây cao ra rả đọc mãi một chữ "e..." còn dưới mặt đất thì Đế Mèn ri rả mỗi một chữ "i..." mà thôi.

(Theo TRỌNG BÁO)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời phù hợp nhất cho từng câu hỏi sau :

1. Tại sao Ve Sầu đến lớp trễ ?

- a. Vì đi lạc đường.
- b. Vì ngủ dậy muộn.
- c. Vì mãi chơi dọc đường.

2. Sau khi chép chữ "e" và chữ "i" vào vở, Ve Sầu và Đế Mèn làm gì ?

- a. Bỏ học, đi chơi.
- b. Ra sân ca hát.
- c. Học tiếp chữ khác.

3. Ve Sầu và Đế Mèn học được bao nhiêu chữ ?

- a. Rất nhiều chữ.
- b. Ba chữ "b", "e" và "i".
- c. Mỗi đứa chỉ biết một chữ.